

Số: /QĐ-BGDDĐT

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Bổ sung sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc****BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Nghị định số 303/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội khóa 15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội khóa 15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định bổ sung sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc từ năm học 2026-2027 (danh mục sách giáo khoa kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội (để b/c);
- Văn phòng Chủ tịch nước (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TW (để b/c);
- Ủy ban VHXH của Quốc hội;
- Các UBND tỉnh/thành phố;
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, Vụ GDPT.

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Kim Sơn**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC

Sách giáo khoa giáo dục phổ thông bổ sung sử dụng thống nhất toàn quốc từ năm học 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số 185 /QĐ-BGDDT ngày 09 tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên sách	Tác giả	Ghi chú
LỚP 1			
1.	Nữr Bahnar 1 (Tiếng Bahnar 1)	H'Mer (Chủ biên), Nguyễn Tiến Dũng, Đinh Văn Hải, Đinh Thị Dờn, Quưn	
2.	ᦺᦑᦟᦹᧉ ᦺᦑᦟᦹᧉ (Tiếng Chăm 1)	Kinh Duy Trinh (Chủ biên), Đạo Văn Bình, Nguyễn Thị Tùng Long, Diên Đặng Lý Anh Sương, Lộ Minh Trại	
3.	Klei Êđê 1 (Tiếng Êđê 1)	Lê Thị Ngọc Thơm (Chủ biên), H Phlai Byă, H'Mi Ćil, Hồ Thị Nga, Y Then Ayũn, H Loanh Niê	
4.	Toloi Jrai 1 (Tiếng Jrai 1)	Ksor Yin (Chủ biên), Kpă Pual, Rochâm H'Yanar, Siu Tolul, Siu H'Noan	
5.	ភាសាខ្មែរ ១ (Tiếng Khmer 1)	Thạch Đồi (Chủ biên), Kiêm Hạnh, Thạch Ngọc Hương, Chau Mô Ni Sóc Kha, Thạch Ngọc Lam	
6.	Lul Hmôngz 1 (Tiếng Mông 1)	Giảng A Pao (Chủ biên), Hoàng Thị Chư, Ma Thị Dưa, Nguyễn Quang Hải, Hạng Thị Vân Thanh, Mã Thị Xuân	
7.	Nau Mnông 1 (Tiếng Mnông 1)	H'Thuỷ (Chủ biên), H-Kim, H'Ái Byă, Niê Đoan Chính, Y Đình	
8.	သကူ ငှက် ၁ (Tiếng Thái 1)	Lò Mai Cương (Chủ biên), Lò Văn Chung, Cẩm Thanh Hương, Lò Thị Kim Phượng, Quảng Văn Thanh	
LỚP 2			
9.	Nữr Bahnar 2 (Tiếng Bahnar 2)	H'Mer (Chủ biên), Nguyễn Tiến Dũng, Đinh Văn Hải, Đinh Thị Dờn, Quưn	
10.	ᦺᦑᦟᦹᧉ ᦺᦑᦟᦹᧉ (Tiếng Chăm 2)	Kinh Duy Trinh (Chủ biên), Đạo Văn Bình, Nguyễn Thị Tùng Long, Diên Đặng Lý Anh Sương, Lộ Minh Trại	
11.	Klei Êđê 2 (Tiếng Êđê 2)	Lê Thị Ngọc Thơm (Chủ biên), H Phlai Byă, H'Mi Ćil, Hồ Thị Nga, Y Then Ayũn, H Loanh Niê	
12.	Toloi Jrai 2 (Tiếng Jrai 2)	Ksor Yin (Chủ biên), Kpă Pual, Rochâm H'Yanar, Siu Tolul, Siu H'Noan	
13.	ភាសាខ្មែរ ២ (Tiếng Khmer 2)	Thạch Đồi (Chủ biên), Kiêm Hạnh, Thạch Ngọc Hương, Chau Mô Ni Sóc Kha, Thạch Ngọc Lam	
14.	Lul Hmôngz 2 (Tiếng Mông 2)	Giảng A Pao (Chủ biên), Hoàng Thị Chư, Ma Thị Dưa, Nguyễn Quang Hải, Hạng Thị Vân Thanh, Mã Thị Xuân	
15.	Nau Mnông 2 (Tiếng Mnông 2)	H'Thuỷ (Chủ biên), H-Kim, H'Ái Byă, Niê Đoan Chính, Y Đình	

16.	ໂພນ ຄູ 2 (Tiếng Thái 2)	Lò Mai Cương (Chủ biên), Lò Văn Chung, Cầm Thanh Hương, Lò Thị Kim Phượng, Quảng Văn Thanh	
LỚP 3			
17.	Nờr Bahnar 3 (Tiếng Bahnar 3)	Quun (Chủ biên), Đinh Thị Dờn, Đinh Văn Hải, Rư, Y Kim Yền	
18.	ຈາກ ຈ້ ຊູ (Tiếng Chăm 3)	Kinh Duy Trịnh (Chủ biên), Đạo Văn Bình, Nguyễn Thị Tùng Long, Diên Đặng Lý Anh Sương, Lộ Minh Trại	
19.	Klei Êđê 3 (Tiếng Êđê 3)	Lê Thị Ngọc Thơm (Chủ biên), H Phlai Byă, H'Mi Cũl, Hồ Thị Nga, Y Then Ayũn, H Loanh Niê	
20.	Toloi Jrai 3 (Tiếng Jrai 3)	Ksor Yin (Chủ biên), Kpă Pual, Rochâm H'Yanar, Siu Tolul, Siu H'Noan	
21.	ភាសាខ្មែរ ៣ (Tiếng Khmer 3)	Thạch Đồi (Chủ biên), Kiêm Hạnh, Thạch Ngọc Hường, Chau Mô Ni Sóc Kha, Thạch Ngọc Lam	
22.	Lul Hmôngz 3 (Tiếng Mông 3)	Giàng A Pao (Chủ biên), Phàng A Chông, Hoàng Thị Chư, Ma Thị Dưa, Cháng A Giống, Mã Thị Xuân	
23.	Nau Mnông 3 (Tiếng Mnông 3)	H'Thủy (Chủ biên), H-Kim, H'Ái Byă, Niê Đoan Chính, Y Đình	
24.	ໂພນ ຄູ 3 (Tiếng Thái 3)	Lò Mai Cương (Chủ biên), Lò Văn Chung, Cầm Thanh Hương, Lò Thị Kim Phượng, Quảng Văn Thanh	
25.	Tiếng Đức 3, tập một	Lê Tuyết Nga (Tổng Chủ biên), Lê Thị Bích Hằng, Lê Thị Bích Thủy (đồng Chủ biên), Trịnh Thị Châu, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Hà Linh, Lê Hồng Vân	
26.	Tiếng Đức 3, tập hai	Lê Tuyết Nga (Tổng Chủ biên), Lê Thị Bích Hằng, Lê Thị Bích Thủy (đồng Chủ biên), Trịnh Thị Châu, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Hà Linh, Lê Hồng Vân	
27.	Tiếng Trung Quốc 3, tập một	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Phước Lộc (Chủ biên), Trần Thị Kim Loan, Vương Quế Thu, Nguyễn Thị Thanh Thúy	
28.	Tiếng Trung Quốc 3, tập hai	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Phước Lộc (Chủ biên), Trần Thị Kim Loan, Vương Quế Thu, Nguyễn Thị Thanh Thúy	
29.	Tiếng Pháp 3	Nguyễn Quang Thuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Thị Hồng Lê, Phạm Thị Anh Nga, Nguyễn Việt Quang	
30.	Tiếng Nga 3, tập một	Vũ Thế Khôi (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Minh Hiền, Phạm Vĩnh Thái, Nguyễn Thị Mai Hồng	
31.	Tiếng Nga 3, tập hai	Vũ Thế Khôi (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Minh Hiền, Phạm Vĩnh Thái, Nguyễn Thị Mai Hồng	
32.	Tiếng Hàn 3, tập một	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Lưu Tuấn Anh (Chủ biên), Trần Thị Thu Phượng, Nguyễn Thủy Dương.	
33.	Tiếng Hàn 3, tập hai	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Lưu Tuấn Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Phương Mai, Lê Thị Phương Thủy, Bùi Phan Anh Thư, Hoàng Thị Trang	

34.	Tiếng Nhật 3, tập một	Ngô Minh Thuỷ (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Thu Hà, Trần Kiều Huế, Đào Thị Nga My, Hoàng Thu Trang	
35.	Tiếng Nhật 3, tập hai	Ngô Minh Thuỷ (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Thu Hà, Trần Kiều Huế, Đào Thị Nga My, Hoàng Thu Trang	
LỚP 4			
36.	Nữ Bahnar 4 (Tiếng Bahnar 4)	Quum (Chủ biên), Đinh Thị Dờn, Đinh Văn Hải, Rur, Y Kim Yên	
37.	ᩈᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦ (Tiếng Chăm 4)	Kinh Duy Trinh (Chủ biên), Đạo Văn Bình, Nguyễn Thị Tùng Long, Diên Đặng Lý Anh Sương, Lộ Minh Trại	
38.	Klei Êđê 4 (Tiếng Êđê 4)	Lê Thị Ngọc Thơm (Chủ biên), H Phlai Byă, H'Mi Cũl, Hồ Thị Nga, Y Then Ayũn, H Loanh Niê	
39.	Toloi Jrai 4 (Tiếng Jrai 4)	Ksor Yin (Chủ biên), Kpă Pual, Rochâm H'Yanar, Siu Tolul, Siu H'Noan	
40.	ភាសាខ្មែរ ៤ (Tiếng Khmer 4)	Thạch Đồi (Chủ biên), Kiêm Hạnh, Thạch Ngọc Hương, Chau Mô Ni Sóc Kha, Thạch Ngọc Lam	
41.	Lul Hmôngz 4 (Tiếng Mông 4)	Giàng A Pao (Chủ biên), Phàng A Chông, Hoàng Thị Chur, Ma Thị Dua, Cháng A Giống, Mã Thị Xuân	
42.	Nau Mnông 4 (Tiếng Mnông 4)	H'Thuỷ (Chủ biên), H-Kim, H'Ái Byă, Niê Đoan Chính, Y Đinh	
43.	သဝဏ် ၄ (Tiếng Thái 4)	Lò Mai Cương (Chủ biên), Lò Văn Chung, Cầm Thanh Hương, Lò Thị Kim Phụng, Quảng Văn Thanh	
44.	Tiếng Đức 4, tập một	Lê Tuyết Nga (Tổng Chủ biên), Lê Thị Bích Hằng, Lê Thị Bích Thủy (đồng Chủ biên), Hoàng Thị Thanh Bình, Đào Hải Hà, Hoàng Ngọc Trâm, Hồ Thị Bảo Vân	
45.	Tiếng Đức 4, tập hai	Lê Tuyết Nga (Tổng Chủ biên), Lê Thị Bích Hằng, Lê Thị Bích Thủy (đồng Chủ biên), Hoàng Thị Thanh Bình, Đào Hải Hà, Hoàng Ngọc Trâm, Hồ Thị Bảo Vân	
46.	Tiếng Trung Quốc 4, tập một	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Phước Lộc (Chủ biên), Trần Thị Kim Loan, Châu A Phí, Vương Quế Thu, Nguyễn Thị Thanh Thúy	
47.	Tiếng Trung Quốc 4, tập hai	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Phước Lộc (Chủ biên), Trần Thị Kim Loan, Châu A Phí, Vương Quế Thu, Nguyễn Thị Thanh Thúy	
48.	Tiếng Pháp 4	Nguyễn Quang Thuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Thị Hồng Lê, Nguyễn Việt Quang	
49.	Tiếng Nga 4, tập một	Vũ Thế Khôi (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Minh Hiền, Phạm Vĩnh Thái, Nguyễn Thị Mai Hồng	
50.	Tiếng Nga 4, tập hai	Vũ Thế Khôi (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Minh Hiền, Phạm Vĩnh Thái, Nguyễn Thị Mai Hồng	

51.	Tiếng Hàn 4, tập một	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuý Dương, Hà Thu Hương, Trần Mai Loan	
52.	Tiếng Hàn 4, tập hai	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuý Dương, Hà Thu Hương, Trần Mai Loan	
53.	Tiếng Nhật 4, tập một	Ngô Minh Thuý (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Thu Hà, Trần Kiều Huế, Đào Thị Nga My, Hoàng Thu Trang	
54.	Tiếng Nhật 4, tập hai	Ngô Minh Thuý (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Thu Hà, Trần Kiều Huế, Đào Thị Nga My, Hoàng Thu Trang	
LỚP 5			
55.	Nữ Bahnar 5 (Tiếng Bahnar 5)	Quyn (Chủ biên), Đinh Thị Dòn, Đinh Văn Hải, Rư, Y Kim Yển	
56.	ភាសា ច្រើន (Tiếng Chăm 5)	Kinh Duy Trịnh (Chủ biên), Đạo Văn Bình, Nguyễn Thị Tùng Long, Diên Đặng Lý Anh Sương, Lộ Minh Trại	
57.	Klei Êđê 5 (Tiếng Êđê 5)	Lê Thị Ngọc Thơm (Chủ biên), H Phlai Byă, H'Mi Cũl, Hồ Thị Nga, Y Then Ayũn, H Loanh Niê	
58.	Toloi Jrai 5 (Tiếng Jrai 5)	Ksor Yin (Chủ biên), Kpă Pual, Rochâm H'Yanar, Siu Tolul, Siu H'Noan	
59.	ភាសាខ្មែរ ៥ (Tiếng Khmer 5)	Thạch Đồi (Chủ biên), Kiêm Hạnh, Thạch Ngọc Hương, Chau Mô Ni Sóc Kha, Thạch Ngọc Lam	
60.	Lul Hmôngz 5 (Tiếng Mông 5)	Giàng A Pao (Chủ biên), Phàng A Chông, Hoàng Thị Chư, Ma Thị Dưa, Cháng A Giồng, Mã Thị Xuân	
61.	Nau Mnông 5 (Tiếng Mnông 5)	H'Thuý (Chủ biên), H-Kim, H'Ái Byă, Niê Đoan Chính, Y Đinh	
62.	သဝဏ် ၆ (Tiếng Thái 5)	Lò Mai Cương (Chủ biên), Lò Văn Chung, Cầm Thanh Hương, Lò Thị Kim Phượng, Quảng Văn Thanh	
63.	Tiếng Trung Quốc 5, tập một	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Phước Lộc (Chủ biên), Trần Thị Kim Loan, Châu A Phí, Vương Quế Thu, Nguyễn Thị Thanh Thúy	
64.	Tiếng Trung Quốc 5, tập hai	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Phước Lộc (Chủ biên), Trần Thị Kim Loan, Châu A Phí, Vương Quế Thu, Nguyễn Thị Thanh Thúy	
65.	Tiếng Pháp 5	Nguyễn Quang Thuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Thị Hồng Lê, Nguyễn Việt Quang	
66.	Tiếng Hàn 5, tập một	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Đỗ Phương Thuý (Chủ biên), Nguyễn Thị Vân, Lê Hải Yến	
67.	Tiếng Hàn 5, tập hai	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Đỗ Phương Thuý (Chủ biên), Nguyễn Thị Vân, Lê Hải Yến	
68.	Tiếng Nhật 5, tập một	Ngô Minh Thuý (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Thu Hà, Trần Kiều Huế, Đào Thị Nga My, Hoàng Thu Trang	
69.	Tiếng Nhật 5, tập hai	Ngô Minh Thuý (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Thu Hà, Trần Kiều Huế, Đào Thị Nga My, Hoàng Thu Trang	

LỚP 6			
70.	Tiếng Đức 6	Lê Tuyết Nga (Tổng Chủ biên), Đặng Thị Thu Hiền (Chủ biên), Lê Mỹ Huyền, Nguyễn Thị Kim Liên, Phạm Thị Ngọc, Phạm Thị Thanh Tú	
71.	Tiếng Nga 6, tập một	Đặng Thị Thu Hương (Chủ biên), Hoàng Thị Hồng Trang, Phạm Vĩnh Thái	
72.	Tiếng Nga 6, tập hai	Đặng Thị Thu Hương (Chủ biên), Hoàng Thị Hồng Trang, Phạm Vĩnh Thái	
73.	Tiếng Trung Quốc 6	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên), Trần Thị Kim Loan (Chủ biên), Nguyễn Phước Lộc, Vương Huệ Nghi, Châu A Phí, Nguyễn Thị Thanh Thủy	
74.	Tiếng Pháp 6	Nguyễn Quang Thuấn (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hải (Chủ biên), Đỗ Thị Thu Giang, Hoàng Thị Hồng Lê, Nguyễn Việt Quang, Phạm Duy Thiện	
75.	Tiếng Nhật 6	Ngô Minh Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Thu Hà, Trần Kiều Huế, Đào Thị Nga My, Hoàng Thu Trang	
LỚP 7			
76.	Tiếng Nga 7, tập một	Đặng Thị Thu Hương (Chủ biên), Hoàng Thị Hồng Trang, Phạm Vĩnh Thái	
77.	Tiếng Nga 7, tập hai	Đặng Thị Thu Hương (Chủ biên), Hoàng Thị Hồng Trang, Phạm Vĩnh Thái	
78.	Tiếng Trung Quốc 7	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên), Trần Thị Kim Loan (Chủ biên), Nguyễn Phước Lộc, Vương Huệ Nghi, Châu A Phí, Nguyễn Thị Thanh Thủy	
79.	Tiếng Pháp 7	Nguyễn Quang Thuấn (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hải (Chủ biên), Trần Lê Bảo Chân, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Huệ, Phạm Duy Thiện	
80.	Tiếng Nhật 7	Ngô Minh Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Thu Hà, Trần Kiều Huế, Đào Thị Nga My, Hoàng Thu Trang	
LỚP 8			
81.	Tiếng Trung Quốc 8	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Thị Kim Loan, Nguyễn Phước Lộc, Vương Huệ Nghi, Châu A Phí, Nguyễn Thị Thanh Thủy	
82.	Tiếng Pháp 8	Nguyễn Quang Thuấn (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Thiện (Chủ biên), Trần Lê Bảo Chân, Trịnh Thủy Dương, Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Việt Quang	
83.	Tiếng Nhật 8	Ngô Minh Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Thu Hà, Trần Kiều Huế, Hoàng Thu Trang, Nguyễn Huyền Trang	
LỚP 9			
84.	Tiếng Trung Quốc 9	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Thị Kim Loan, Nguyễn Phước Lộc, Vương Huệ Nghi, Châu A Phí, Nguyễn Thị Thanh Thủy	

85.	Tiếng Pháp 9	Nguyễn Quang Thuấn (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Thiện (Chủ biên), Trần Lê Bảo Chân, Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Thị Thu Hồng, Hoàng Thị Hồng Lê	
86.	Tiếng Nhật 9	Ngô Minh Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Thân Thị Mỹ Bình, Phạm Thị Thu Hà, Trần Kiều Huế, Hoàng Thu Trang	
LỚP 10			
87.	Tiếng Trung Quốc 10	Nguyễn Hoàng Anh (Tổng Chủ biên), Trịnh Thanh Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Phước Lộc, Hoàng Thị Thu Trang, Trần Khai Xuân	
88.	Tiếng Pháp 10	Nguyễn Quang Thuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thị Thu Giang, Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Thị Hồng Lê, Phạm Duy Thiện	
NGOẠI NGỮ 2			
89.	Tiếng Hàn Ngoại ngữ 2 Quyển 1	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Lưu Tuấn Anh (Chủ biên), Cao Thị Hải Bắc, Trần Thị Thu Phượng, Đỗ Phương Thủy	
90.	Tiếng Hàn Ngoại ngữ 2 Quyển 2	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Lưu Tuấn Anh (Chủ biên), Đỗ Phương Thủy, Nguyễn Thị Vân, Lê Hải Yến	
91.	Tiếng Hàn Ngoại ngữ 2 Quyển 3	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Lưu Tuấn Anh (Chủ biên), Cao Thị Hải Bắc, Hà Thu Hương, Khương Diệu My, Hoàng Phan Thanh Nga, Trần Thị Thu Phượng	
92.	Tiếng Hàn Ngoại ngữ 2 Quyển 4	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Lưu Tuấn Anh (Chủ biên), Hà Thu Hương, Trần Mai Loan	
93.	Tiếng Hàn Ngoại ngữ 2 Quyển 5	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Lưu Tuấn Anh (Chủ biên), Nguyễn Thùy Dương, Hà Thu Hương, Trần Mai Loan	
94.	Tiếng Hàn Ngoại ngữ 2 Quyển 6	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Đỗ Phương Thủy (Chủ biên), Nguyễn Thị Vân, Lê Hải Yến	
95.	Tiếng Hàn Ngoại ngữ 2 Quyển 7	Trần Thị Hương (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu Phượng (Chủ biên), Cao Hải Bắc, Khương Diệu My, Hoàng Phan Thanh Nga	
96.	Tiếng Nhật Ngoại ngữ 2 Quyển 1	Ngô Minh Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Hưng Long	
97.	Tiếng Nhật Ngoại ngữ 2 Quyển 2	Ngô Minh Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Hưng Long	
98.	Tiếng Nhật Ngoại ngữ 2 Quyển 3	Ngô Minh Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Hưng Long	
99.	Tiếng Nhật Ngoại ngữ 2 Quyển 4	Ngô Minh Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Thu Hà, Phạm Thu Hương, Phạm Hưng Long, Hoàng Thu Trang	

Danh mục gồm 99 sách giáo khoa./.